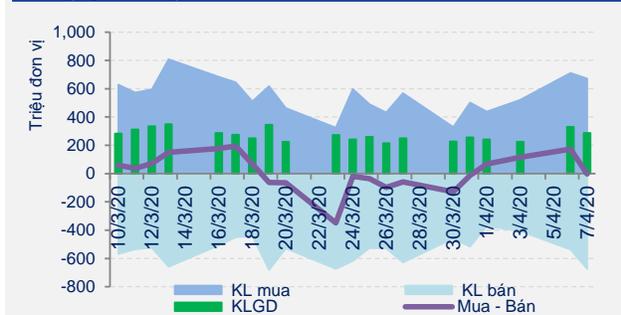
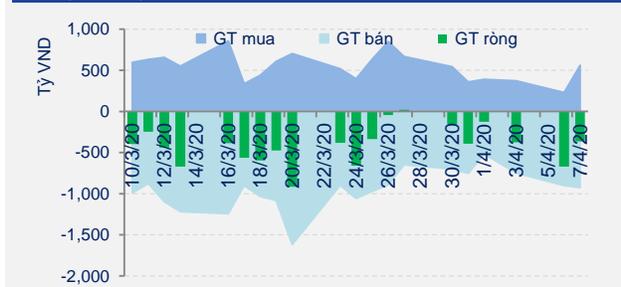


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 7/4/2020

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	746.69	103.43
% Thay đổi	↑ 1.35%	↑ 0.16%
KLGD (CP)	286,222,590	68,206,886
GTGD (tỷ đồng)	4,404.78	665.93
Tổng cung (CP)	674,386,240	89,966,400
Tổng cầu (CP)	671,623,400	91,588,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	30,365,430	513,295
KL mua (CP)	17,001,840	386,200
GTmua (tỷ đồng)	562.13	3.35
GT bán (tỷ đồng)	925.30	6.10
GT ròng (tỷ đồng)	(363.16)	(2.75)

**Tương quan cung cầu HOSE**

**Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE**


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.13%	10.8	2.0	3.0%
Công nghiệp	↑ 0.40%	10.4	2.0	11.7%
Dầu khí	↓ -1.75%	9.6	1.4	7.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.19%	13.3	3.1	13.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.20%	12.0	2.1	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 2.48%	14.0	3.6	10.8%
Ngân hàng	↑ 0.53%	9.1	1.9	23.3%
Nguyên vật liệu	↓ -0.20%	11.7	1.5	7.8%
Tài chính	↑ 2.39%	14.2	3.1	18.6%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.13%	9.8	1.9	3.4%
VN - Index	↑ 1.35%	11.4	2.7	109.9%
HNX - Index	↑ 0.16%	8.7	1.4	-9.9%

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục hồi phục trong phiên hôm nay với thanh khoản suy giảm và mức tăng cũng bị thu hẹp lại. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 9,94 điểm (+1,35%) lên 746,69 điểm; HNX-Index tăng 0,17 điểm (+0,16%) lên 103,43 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 4.845 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 361 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 734 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 318 mã tăng, 118 mã tham chiếu, 263 mã giảm. Thị trường điều chỉnh vào đầu phiên do gặp áp lực chốt lời, nhưng ngay sau đó đã hồi lên sắc xanh khá tốt và đã tăng được duy trì cho đến hết phiên giao dịch. Nhóm cổ phiếu trụ cột tiếp tục giao dịch tích cực với nhiều mã tăng như VHM (+7%), VNM (+2,4%), VRE (+7%), SAB (+3,8%), MSN (+2,9%), VPB (+3,7%), BID (+0,8%), VCB (+0,3%), MBB (+1,3%), HPG (+0,8%)... Ở chiều ngược lại, một số trụ cột khác điều chỉnh như PLX (-3,1%), VJC (-0,9%), CTG (-1,2%), GVR (-1,5%), HVN (-1,7%), POW (-1,8%), NVL (-0,6%)... Trên sàn HNX, các trụ cột như SHB (+2,1%), PVS (+4,4%), VCS (+0,8%), VIF (+1,2%)... tăng giúp chỉ số HNX-Index hồi phục phiên thứ tư liên tiếp.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Những thông tin tích cực về tình hình kiểm soát dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam cũng như tốc độ gia tăng các ca nhiễm mới trên toàn cầu đang chậm dần lại trong bối cảnh mà đỉnh dịch của Mỹ có thể đến trong 1-2 tuần tới đã giúp tâm lý nhà đầu tư trong nước tiếp tục duy trì sự tích cực trong phiên hôm nay. Áp lực chốt lời ngắn hạn đầu phiên cũng không thể ngăn lực cầu gia tăng mạnh sau đó. Tuy nhiên, với việc thanh khoản suy giảm và khối ngoại tiếp tục bán ròng với khoảng gần 370 tỷ đồng trên hai sàn thì nhịp hồi phục này có thể sớm kết thúc. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 4 tăng mạnh hơn chỉ số cơ sở VN30, qua đó thu hẹp mức basis âm xuống còn 16,61 điểm cho thấy nhà đầu tư đã đỡ tiêu cực về xu hướng thị trường. Trên góc nhìn kỹ thuật, dư địa để thị trường tiếp tục hồi phục còn khá ít. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 8/4, VN-Index có thể sẽ rung lắc và giằng co khi tiếp cận với ngưỡng kháng cự quanh 750 điểm (target của mô hình 2 đáy 650 điểm và neckline 700 điểm). Nhà đầu tư đang có tỷ trọng cổ phiếu cao có thể canh những nhịp hồi phục lên ngưỡng kháng cự quanh 750 điểm để hạ dần tỷ trọng. Đối với những nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt lớn có thể canh những nhịp điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ quanh 700 điểm để giải ngân trở lại.



# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

7/4/2020

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giảm điểm vào đầu phiên giao dịch, tạo mức đáy trong phiên tại 730,28 điểm. Nhưng từ khoảng 10h trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng được nối dài trong phiên chiều, với mức đỉnh trong phiên tại 749,13 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 9,94 điểm (+1,35%) lên 746,69 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM tăng 4.300 đồng, VNM tăng 2.300 đồng, VRE tăng 1.450 đồng. Ở chiều ngược lại, PLX giảm 1.250 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index giao dịch với sắc đỏ trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 102,023 điểm. Vào đầu và cuối phiên, cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 104,209 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,17 điểm (+0,16%) lên 103,43 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB tăng 300 đồng, PVS tăng 500 đồng, VCS tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, ACB giảm 300 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 364,63 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 13,4 triệu cổ phiếu. VIC là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 203,7 tỷ đồng tương ứng với 2,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là GAS với 19,6 tỷ đồng tương ứng với 314 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 28,8 tỷ đồng tương ứng với 297 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 2,74 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 127 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 2 tỷ đồng tương ứng với 174 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là IDJ với 811 triệu đồng tương ứng với 54,6 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TIG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 759 triệu đồng tương ứng với 138 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index hồi phục trong phiên thứ năm liên tiếp và chỉ số hiện kết phiên dưới ngưỡng 750 điểm, khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với 277 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 720 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 840 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 940 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 8/4, VN-Index có thể sẽ rung lắc và giằng co khi tiếp cận với ngưỡng kháng cự quanh 750 điểm (target của mô hình 2 đáy 650 điểm và neckline 700 điểm)

### HNX-Index:



HNX-Index hồi phục trong phiên thứ tư liên tiếp và chỉ số hiện kết phiên dưới ngưỡng 104 điểm (MA200), khối lượng khớp lệnh giảm nhẹ so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên với 56 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 99,5 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 104,5 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 104 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 8/4, HNX-Index có thể sẽ rung lắc và giằng co khi tiếp cận với ngưỡng kháng cự trong khoảng 104





## TIN TRONG NƯỚC

**Giá vàng trong nước tăng**

Tại thời điểm 15 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 47,4 - 48,1 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), tăng 100.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra.

**Tỷ giá trung tâm giảm 4 đồng**

Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 23.230 VND/USD (giảm 4 đồng so với hôm qua).

## TIN THẾ GIỚI

**Giá vàng thế giới tăng**

Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 8,5 USD/ounce tương ứng với 0,5% lên 1.702,4 USD/ounce.

**Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm**

Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,600 điểm tương ứng 0,6% xuống 100,155 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,0871 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,2305 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 108,94 JPY.

**Giá dầu thế giới tăng**

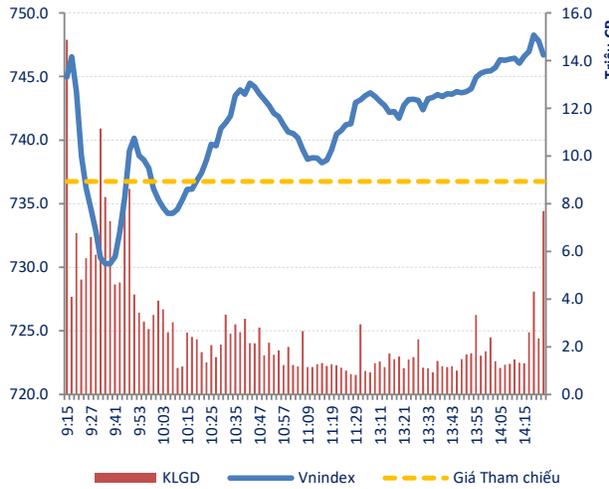
Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,93 USD tương ứng 3,57% lên 27,01 USD/thùng.

**Chứng khoán Mỹ hồi phục mạnh**

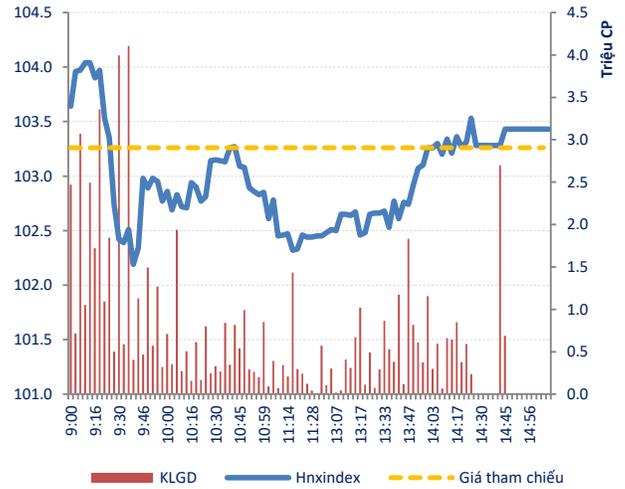
Kết thúc phiên giao dịch ngày 6/4, chỉ số Dow Jones tăng 1.627,46 điểm tương ứng 7,73% lên 22.679,99 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 540,16 điểm tương ứng 7,33% lên 7.913,24 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 175,03 điểm tương ứng 7,03% lên 2.663,68 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



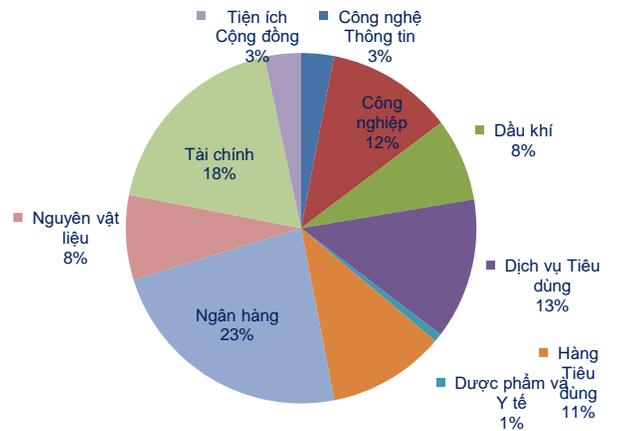
KLGD và HNX-Index trong phiên



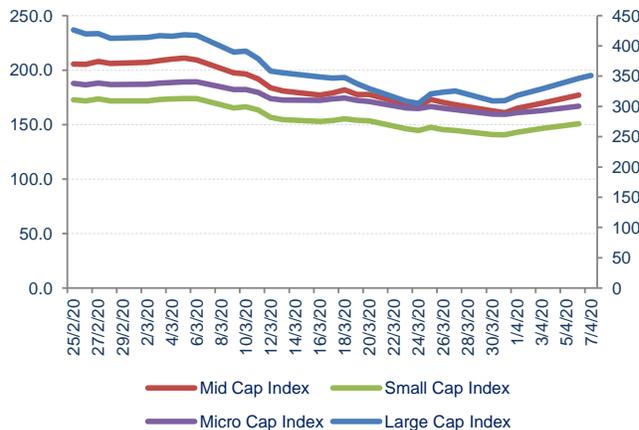
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



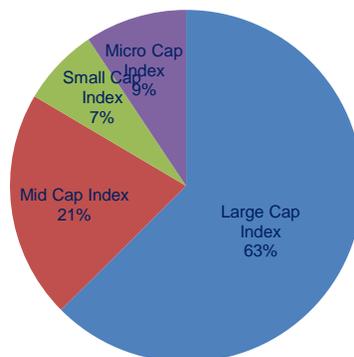
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ROS	609,060	VIC	2,100,840
2	HPG	470,980	STB	1,322,710
3	HAI	450,410	SSI	1,243,950
4	VNM	297,450	E1VFN30	1,220,010
5	HCM	189,770	DPM	1,014,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TIG	138,000	PVS	174,170
2	BVS	25,300	IDJ	54,600
3	ART	20,000	SHS	49,000
4	HHG	6,000	DXP	12,100
5	LAS	4,310	NDX	10,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	3.98	3.74	↓ -6.03%	21,624,740
STB	8.93	9.18	↑ 2.80%	17,284,520
PVD	8.06	8.62	↑ 6.95%	14,124,290
MBB	15.75	15.95	↑ 1.27%	12,576,310
FLC	3.02	2.95	↓ -2.32%	11,929,910

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	11.30	11.80	↑ 4.42%	11,518,317
SHB	14.60	14.90	↑ 2.05%	7,827,424
KLF	1.50	1.50	→ 0.00%	6,129,928
VC7	5.80	5.30	↓ -8.62%	5,796,676
ACB	20.60	20.30	↓ -1.46%	4,467,621

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LAF	8.01	8.57	0.56	↑ 6.99%
AGM	10.75	11.50	0.75	↑ 6.98%
TNC	14.35	15.35	1.00	↑ 6.97%
NVT	4.88	5.22	0.34	↑ 6.97%
VHM	61.70	66.00	4.30	↑ 6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NHP	0.30	0.40	0.10	↑ 33.33%
HKB	0.60	0.70	0.10	↑ 16.67%
VIG	0.60	0.70	0.10	↑ 16.67%
BII	0.60	0.70	0.10	↑ 16.67%
PVX	0.70	0.80	0.10	↑ 14.29%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MCP	15.00	13.95	-1.05	↓ -7.00%
C47	7.58	7.05	-0.53	↓ -6.99%
CMV	17.20	16.00	-1.20	↓ -6.98%
VTB	11.50	10.70	-0.80	↓ -6.96%
HRC	34.50	32.10	-2.40	↓ -6.96%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SPP	0.60	0.50	-0.10	↓ -16.67%
KVC	0.80	0.70	-0.10	↓ -12.50%
SPI	0.80	0.70	-0.10	↓ -12.50%
MEC	0.90	0.80	-0.10	↓ -11.11%
TKU	8.00	7.20	-0.80	↓ -10.00%

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	21,624,740	3.0%	314	11.9	0.4
STB	17,284,520	3250.0%	1,361	6.7	0.6
PVD	14,124,290	1.3%	437	19.7	0.3
MBB	12,576,310	21.1%	3,386	4.7	0.9
FLC	11,929,910	2.8%	401	7.4	0.2

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	11,518,317	6.7%	1,777	6.6	0.5
SHB	7,827,424	13.9%	1,604	9.3	1.2
KLF	6,129,928	0.1%	8	176.7	0.1
VC7	5,796,676	4.8%	529	10.0	0.5
ACB	4,467,621	24.6%	3,693	5.5	1.2

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LAF	↑ 7.0%	14.3%	1,214	7.1	0.9
AGM	↑ 7.0%	9.8%	2,213	5.2	0.5
TNC	↑ 7.0%	11.9%	1,977	7.8	0.9
NVT	↑ 7.0%	6.7%	296	17.6	1.8
VHM	↑ 7.0%	38.5%	6,499	10.2	3.9

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NHP	↑ 33.3%	-30.3%	(2,650)	-	0.1
HKB	↑ 16.7%	0.5%	41	17.1	0.1
VIG	↑ 16.7%	-11.6%	(701)	-	0.1
BII	↑ 16.7%	-4.9%	(510)	-	0.1
PVX	↑ 14.3%	-11.6%	(496)	-	1.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	609,060	3.0%	314	11.9	0.4
HPG	470,980	17.0%	2,726	7.0	1.1
HAI	450,410	0.4%	49	52.5	0.2
VNM	297,450	37.8%	6,078	16.2	6.2
HCM	189,770	11.7%	1,526	9.4	1.0

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TIG	138,000	10.8%	1,448	3.8	0.5
BVS	25,300	7.7%	1,877	4.7	0.4
ART	20,000	7.3%	819	2.7	0.2
HHG	6,000	0.1%	15	67.9	0.1
LAS	4,310	0.2%	21	243.4	0.5

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	329,110	6.9%	2,236	43.5	4.3
VCB	252,945	25.9%	4,991	13.7	3.1
VHM	217,108	38.5%	6,499	10.2	3.9
VNM	171,526	37.8%	6,078	16.2	6.2
BID	148,815	12.7%	2,377	15.6	1.9

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	33,627	24.6%	3,693	5.5	1.2
SHB	26,155	13.9%	1,604	9.3	1.2
VCG	10,954	8.8%	1,548	16.0	1.6
VCS	9,600	45.6%	8,958	6.7	2.8
PVI	7,072	9.3%	2,849	10.7	1.0

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BVH	2.03	6.2%	1,550	30.8	1.9
PTB	1.96	24.8%	9,134	4.8	1.2
FRT	1.65	17.5%	2,705	5.3	0.9
PNJ	1.62	28.7%	5,360	10.6	2.8
DGW	1.61	19.4%	3,959	5.5	1.0

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MBG	3.35	4.6%	451	16.4	0.7
V21	2.38	0.6%	55	215.9	1.2
SHS	2.11	11.2%	1,347	5.1	0.5
C69	1.88	3.7%	437	11.4	0.5
TNG	1.85	24.7%	3,737	2.8	0.6



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung  
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779

---